

Phụ lục

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Kinh phí đề nghị chuyển về cấp xã tiếp tục thực hiện	Trong đó				
			Đức Phổ	Trà Câu	Sa Huỳnh	Khánh Cường	Nguyễn Nghiêm
II	Chi thường xuyên	29.933.350.356	8.369.865.703	7.654.129.852	5.440.146.507	4.530.992.977	3.938.215.316
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	10.976.952.033	3.001.988.373	3.036.383.191	2.364.801.278	1.358.321.095	1.215.458.095
2	Chi sự nghiệp đào tạo	981.001.362	501.001.362	120.000.000	120.000.000	120.000.000	120.000.000
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	323.157.000	92.271.400	48.471.400	48.471.400	48.471.400	85.471.400
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	19.450.000	3.890.000	3.890.000	3.890.000	3.890.000	3.890.000
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	866.988.440	288.996.147	231.196.917	115.598.459	115.598.459	115.598.459
7	Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội	3.498.085.786	939.340.589	895.070.179	644.564.146	597.721.146	421.389.727
8	Chi sự nghiệp kinh tế	3.854.010.148	939.294.251	1.112.694.342	479.164.812	713.462.812	609.393.931
9	Chi sự nghiệp môi trường	2.223.700.000	557.765.878	609.957.811	432.235.514	382.781.298	240.959.499
10	Chi quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể	6.341.270.587	1.868.325.669	1.361.431.276	1.040.798.755	1.049.983.174	1.020.731.712
11	Chi An ninh	555.700.000	139.385.033	152.427.736	108.015.144	95.656.594	60.215.494
13	Chi thường xuyên khác	293.035.000	37.607.000	82.607.000	82.607.000	45.107.000	45.107.000